

Số: 232/QĐ-VSDTTU

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2025 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-BYT ngày 23/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-VSDTTU ngày 03/10/2022 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Phòng, Khoa, Văn phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-VSDTTU ngày 20/12/2024 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc phân công công tác của Lãnh đạo Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 771/QĐ-VSDTTU ngày 12/9/2024 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển nghiên cứu sinh tiến sĩ khóa 45 năm 2025 ngày 25/3/2025 thông qua Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2025 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Đề án tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2025” của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.



Điều 2. Nội dung Đề án tuyển sinh có thể được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc căn cứ vào tình hình tuyển sinh thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành. Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học, Trưởng Phòng Hành chính - Vật tư, các Khoa, Phòng liên quan, các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTKH.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Dương Thị Hồng



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương
Tên tiếng Anh: National Institute of Hygiene and Epidemiology (NIHE)
- Mã trường: V27
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu): Số 1 phố Yersin, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://nihe.org.vn>
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243 8211631
- Tình hình việc làm của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Các nghiên cứu sinh đều là các cán bộ đang công tác tại các cơ sở y tế thuộc Trung ương, thành phố hoặc trường đại học, bệnh viện.

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Năm 2023: <https://nihe.org.vn/vi/thong-bao-tuyen-nghien-cuu-sinh-tien-si-khoa-43-nam-2023-cua-vien-ve-sinh-dich-te-trung-uong>

Năm 2024: Đợt 1: <https://nihe.org.vn/vi/thong-bao-tuyen-nghien-cuu-sinh-tien-si-khoa-44-nam-2024-cua-vien-ve-sinh-dich-te-trung-uong>

Năm 2024: Đợt 2: <https://nihe.org.vn/vi/thong-bao-tuyen-nghien-cuu-sinh-tien-si-khoa-44-nam-2024-dot-2-cua-vien-ve-sinh-dich-te-trung-uong>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Kết hợp xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
I	Khoa học sự sống	4	3		3	3	

TT	Lĩnh vực/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Khoa học sự sống/Vi sinh vật học/Sinh học	4	3	71,3-75,6	3	3	52,38-64,0
II	Sức khỏe	26	23		27	27	
2	Sức khỏe/Dịch tễ học/Y học	4	3	58,2-61,55	4	4	52,9-57,0
3	Sức khỏe/Khoa học y sinh/Y học	2	2	62,5-65,7	3	3	61,3-74,3
4	Sức khỏe/Y học dự phòng/Y học	4	4	56,0-66,7	5	5	55,2-60,0
5	Sức khỏe/Y tế công cộng/ Y tế công cộng	8	7	56,4-76,2	4	4	57,8-67,8
6	Sức khỏe/Quản lý y tế/Quản lý y tế	8	7	54,0-68,1	11	11	51,9-67,6
	Tổng	30	26		30	30	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

https://nihe.org.vn/uploads/hcms/file/file/12325/BC_thuc_hien_tuyen_sinh_2022_va_xa_c_dinh_chi_tieu_2023.pdf

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Dịch tễ học	9720117	93/TTg	19/03/1979	1715/QĐ-BGDĐT	04/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1980	2024
2	Y tế công cộng	9720701	55/QĐ-BGD&ĐT	05/02/2004	1715/QĐ-BGDĐT	04/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2024

3	Khoa học y sinh	9720101	93/TTg	19/03/1979	1715/QĐ-BGDĐT	04/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1980	2024
4	Y học dự phòng	9720110	93/TTg	19/03/1979	1715/QĐ-BGDĐT	04/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1980	2024
5	Quản lý Y tế	9720801	2439/QĐ-BGDĐT	24/08/2020			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2024
6	Vị sinh vật học	9420107	1910/QĐ-BGDĐT	05/06/2016	1715/QĐ-BGDĐT	04/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016	2024

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng:

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://nihe.org.vn/vi/cong-khai-cam-ket-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2023-2024>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://nihe.org.vn/vi/de-an-tuyen-sinh-trinh-do-tien-si-nam-2024-cua-vien-ve-sinh-dich-te-trung-uong>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://nihe.org.vn/uploads/hcms/file/file/16541/Quy_ch%E1%BA%BF_TS_%C4%90T_TS_n%C4%83m_2024.pdf

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: *Không có*

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: *Không có*

II. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ các ngành theo Danh mục ngành quy định của Viện.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Kết hợp xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Số TT	Nhóm ngành/ngành	Mã số	Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh
I	Sinh học	94201	
1	Vi sinh vật học	9420107	3
II	Y học	97201	
1	Dịch tễ học	9720117	4
2	Y học dự phòng (Vệ sinh xã hội học và Tổ chức Y tế)	9720110	5
3	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)	9720101	3
III	Y tế công cộng	97207	
1	Y tế công cộng	9720701	4
IV	Quản lý y tế	97208	
1	Quản lý y tế	9720801	11
	Tổng chỉ tiêu		30

5. Ngưỡng đầu vào:

- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: hồ sơ đầy đủ theo hướng dẫn trong Thông báo tuyển sinh.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thí sinh trúng tuyển phải đạt các điều kiện sau:

+ Có kết quả xét tuyển từ 50 điểm trở lên. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm báo cáo đề cương, điểm hồ sơ và điểm ưu tiên (nếu có).

+ Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu của từng ngành.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Mã trường: V27

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Khuyến khích các thí sinh có nhiều minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp...

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

7.1. Thời gian; hình thức nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Thời gian nhận hồ sơ: tháng 3-4/2025

- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: trực tiếp hoặc qua bưu điện

- Thời gian xét tuyển: tháng 5-6/2025

- Nếu còn chỉ tiêu sẽ tuyển sinh đợt 2 vào tháng 10-11/2025.

7.2. Điều kiện xét tuyển:

Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành phù hợp với ngành đào tạo đăng ký.

b. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

c. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

d. Trình độ ngoại ngữ:

* Thí sinh là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại bảng 1 sau đây còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Bảng 1. DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	Từ B2 trở lên
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Từ 59-75 điểm
		Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

* Thí sinh là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ 2 do Viện quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

e. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí hàng năm theo quy định).

f. Có đủ sức khỏe để học tập.

8. Chính sách ưu tiên:

8.1. Đối tượng ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Mục này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

8.2. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm mười điểm (thang điểm 100) cho tổng số điểm. Thí sinh thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

9. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng/thí sinh/hồ sơ.

- Lệ phí tiếp nhận và xử lý hồ sơ: 200.000 đồng/thí sinh.

10. Học phí dự kiến; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương được thu theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Lộ trình tăng học phí các năm tiếp theo tối đa không quá 15% so với năm liền kề.

11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: đợt 1 trong khoảng từ tháng 5-6/2025; Nếu còn chỉ tiêu sẽ tuyển sinh đợt 2 vào tháng 10-11/2025.

12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro:

Hội đồng tuyển sinh nhận đơn khiếu nại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm và có phản hồi chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn.

13. Tài chính:

13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;

- Ngân sách nhà nước cấp năm 2025: 400.000.000đ/năm

- Thu từ Quỹ học phí: dự kiến 3.200.000.000đ/năm

13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 NCS/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 39.750.000đ/1 NCS.

Cán bộ kê khai

ThS. Lại Thị Minh

ĐT: 0986380959

Email: dtsdh@nihe.org.vn

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Dương Thị Hồng